

Số: 957/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực
đọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh
và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

ĐẾN

Số:

Ngày: 30/8/2022

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/01/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/07/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XIII kỳ họp thứ 8 về việc thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực đọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh;

Căn cứ Công văn số 3038/BXD-QHKT ngày 08/8/2022 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chung xây dựng khu vực đọc tuyến đường ven

biển Dung Quất - Sa Huỳnh;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 120/BC-SXD ngày 22/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch

Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 6.875 ha (diện tích nghiên cứu khoảng 7.700 ha); bao gồm: các xã: Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa; các xã: Đức Lợi, Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Minh, Đức Thạnh, Đức Phong, huyện Mộ Đức; xã Phổ An và phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ; giới cận như sau:

- Phía Đông: Giáp biển Đông.
- Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất sản xuất nông nghiệp.
- Phía Nam: Giáp ranh giới Quy hoạch phân khu Trung tâm đô thị Phổ Quang, thị xã Đức Phổ.
- Phía Bắc: Giáp ranh giới thành phố Quảng Ngãi.

3. Tính chất

- Là khu vực du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển; trong đó phát triển du lịch (là chức năng chủ đạo), làm động lực thúc đẩy và phát triển các khu đô thị mới dọc theo tuyến ven biển, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

4. Dự báo Quy mô dân số - khách du lịch

- Đến năm 2030: Dân số khoảng 75.000 - 85.000 người (trong đó, dân số thường trú khoảng 70.000 - 80.000 người), khách du lịch khoảng 800.000 lượt khách.

- Đến năm 2045: Dân số khoảng 210.000 - 230.000 người (trong đó, dân số thường trú khoảng 190.000 - 210.000 người), khách du lịch khoảng 3 triệu lượt khách.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khu vực quy hoạch được đề xuất trên cơ sở

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có hướng đến các chỉ tiêu của đô thị loại IV, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	
			Khu vực phát triển mật độ thấp	Khu vực phát triển mật độ cao
I	Đất dân dụng đô thị	m²/người	80-150	60-100
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	80-120	30-50
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥3	≥4
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥4	≥5
	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8	6,5-8
II	Đất du lịch	m²/du khách	≥2	≥2
III	Hạ tầng xã hội thiết yếu			
1	Giáo dục			
	Trường phổ thông trung học	hs/1000 dân	40	40
		m ² /học sinh	10	10
2	Y tế	giường/1000 người	4	4
		m ² /giường	100	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8	0,8
		ha/công trình	3	3
4	Chợ	ha/công trình	1	1
IV	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông			
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (tính đến cấp đường khu vực)	%	≥13	≥13
2	Chỉ tiêu cấp nước			
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	100	150
3	Chỉ tiêu cấp điện			
-	Sinh hoạt	kwh/ng/năm	400 - 1000	750 - 1500
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	35
-	Công nghiệp, kho tàng	kw/ha	50-250	50-250

4	Lượng nước thải			
-	Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80	≥80
5	Lượng rác thải	Kg/người/ngày	0,9	1,0
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	0,04	0,04

6. Quy hoạch sử dụng đất

Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 6.875 ha (diện tích nghiên cứu khoảng 7.700 ha); trong đó, các chức năng sử dụng đất được phân bổ như sau:

- Đất xây dựng diện tích khoảng: 3.940,6 ha; trong đó, đất dân dụng khoảng 3.371,4 ha, đất ngoài dân dụng khoảng 569,2 ha.

- Đất khác (gồm: Đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, mặt nước, đất bãi cát ven biển và đất dự trữ phát triển) diện tích khoảng 2.934,4 ha.

Bảng quy hoạch sử dụng đất khu vực lập quy hoạch đến năm 2045:

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	6.875,0	100,0
I	ĐẤT XÂY DỰNG	3.940,6	57,3
1	Đất dân dụng	3.371,4	49,0
1.1	Đất các đơn vị ở	1.619,0	23,5
-	Đất đơn vị ở mật độ thấp	1.113	16,2
+	<i>Hiện trạng</i>	489	7,1
+	<i>Quy hoạch</i>	625	9,1
-	Đất đơn vị ở mật độ cao	506	7,4
+	<i>Hiện trạng</i>	93	1,3
+	<i>Quy hoạch</i>	413	6,0
1.2	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	308,5	4,5
-	Đất trường THPT	11,9	0,2
-	Đất trung tâm y tế	10,5	0,2
-	Đất thể dục - thể thao đô thị	32,3	0,5
-	Đất thương mại dịch vụ - công cộng đô thị khác	253,8	3,7
1.3	Đất hỗn hợp (thương mại dịch vụ kết hợp ở)	546,0	7,9
1.4	Đất cây xanh công cộng, quảng trường đô thị	289,5	4,2
1.5	Đất giao thông	608,4	8,8

2	Đất ngoài dân dụng	569,2	8,3
2.1	Đất cơ quan	8,8	0,1
2.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,7	0,0
2.3	Đất du lịch	312,7	4,5
2.4	Đất cây xanh chuyên đề	53,8	0,8
2.5	Đất trang trại	3,8	0,1
2.6	Đất an ninh quốc phòng	5,2	0,1
2.7	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	15,6	0,2
2.8	Đất cây xanh cách ly	33,6	0,5
2.9	Đất nghĩa trang	133,1	1,9
II	ĐẤT KHÁC	2.934,4	42,7
1	Đất nông nghiệp (xen cây trong đất ở hiện hữu, kết hợp cảnh quan phục vụ du lịch)	1.170,7	17,0
2	Đất rừng sản xuất	116,0	1,7
3	Đất rừng phòng hộ	800,7	11,6
3.1	- Rừng phòng hộ	563,7	8,2
3.2	- Rừng phòng hộ kết hợp du lịch dưới tán rừng	66,1	1,0
3.3	- Rừng phòng hộ kết hợp dịch vụ dưới tán rừng	42,0	0,6
3.4	- Rừng phòng hộ kết hợp công viên giải trí dưới tán rừng	106,6	1,6
3.5	- Rừng phòng hộ kết hợp công viên quảng trường dưới tán rừng	22,3	0,3
4	Mặt nước (sông, suối,...)	483,2	7,0
5	Đất bãi cát ven biển	337,5	4,9
6	Đất dự trữ phát triển	26,3	0,4
B	DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU (các loại đất khác kế cận)	825,0	
	Đất nông nghiệp	825,0	
TỔNG (A+B)		7.700,0	

Cơ cấu sử dụng đất quy hoạch nêu trên nhằm mục tiêu thu hút, đăng ký đầu tư vào khu vực lập quy hoạch. Diện tích sử dụng đất cụ thể được thực hiện theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ

7. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

7.1. Phân khu I (Phân khu phía Bắc)

- Phạm vi: Thuộc một phần địa bàn các xã: Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp,

huyện Tư Nghĩa; xã Đức Lợi, một phần các xã: Đức Thắng, Đức Chánh, huyện Mộ Đức và mặt biển liền kề.

- Gồm 03 tiểu khu với tổng quy mô:

+ Diện tích khoảng: 2.106 ha; trong đó, diện tích quy hoạch khoảng 1.942,6ha (diện tích nghiên cứu khoảng 163,4ha).

+ Dân số dự báo đến năm 2045 khoảng: 77.100 người.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, làng nghề, tìm hiểu lịch sử - tâm linh và dịch vụ nông nghiệp; kết hợp phát triển dịch vụ - đô thị với trung tâm tại đô thị mới Đức Lợi.

7.2. Phân khu II (Phân khu trung tâm)

- Phạm vi: Thuộc một phần địa bàn các xã: Đức Chánh, Đức Minh, Đức Thạnh, Đức Phong, huyện Mộ Đức và mặt biển liền kề.

- Gồm 03 tiểu khu với tổng quy mô:

+ Diện tích khoảng: 3.687,7 ha; trong đó, diện tích quy hoạch khoảng 3.268,7ha (diện tích nghiên cứu khoảng 419ha).

+ Dân số dự báo đến năm 2045 khoảng: 118.600 người.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển đô thị, dịch vụ và du lịch gắn với các hoạt động du lịch biển tại trung tâm đô thị mới phía Đông huyện Mộ Đức. Hình thành khu vực văn minh, hiện đại, hấp dẫn và sầm uất tại Đức Minh, kết nối với thị trấn Mộ Đức. Hướng đến mở rộng không gian đô thị Mộ Đức về hướng biển.

7.3. Phân khu III (Phân khu phía Nam)

- Phạm vi: Thuộc địa bàn xã Phổ An, một phần phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ và mặt biển liền kề.

- Gồm 01 tiểu khu với tổng quy mô:

+ Diện tích khoảng: 1.906,3 ha; trong đó, diện tích quy hoạch khoảng 1.663,7ha (diện tích nghiên cứu khoảng 242,6ha).

+ Dân số dự báo đến năm 2045 khoảng: 25.300 người.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển đô thị mới ven biển Bắc Đức Phổ, phát triển dịch vụ, du lịch vui chơi giải trí, du lịch trang trại gắn kết với cảnh quan rừng phòng hộ và đô thị Thạch Trụ.

7.4. Các khu chức năng khác

- Khu vực rừng phòng hộ: Cơ bản giữ lại, thực hiện cải tạo, trồng cây nhằm nâng tỷ lệ che phủ rừng. Phát triển, quản lý và khai thác hợp lý diện tích rừng phòng hộ ven biển, kết hợp sử dụng vào các mục đích công cộng dưới tán rừng (du lịch sinh thái, dịch vụ, giải trí, công viên), hỗ trợ phát triển du lịch bền vững.

- Khu vực nuôi trồng thủy sản ven biển: Trong giai đoạn đến năm 2025, cơ bản giữ lại vùng nuôi trồng thủy sản khu vực ven biển. Ưu tiên đầu tư công viên cảnh quan và dịch vụ ven biển đối với quỹ đất trống còn lại xen kẽ với khu vực nuôi trồng thủy sản, hiện trạng là những bãi tắm (Đức Chánh, Minh Tân Bắc, Minh Tân, Đạm Thủy Bắc, Đạm Thủy Nam, Tân An, Đức Phong, Hội An). Trong giai đoạn 2025-2030, từng bước chuyển đổi mục đích sử dụng theo đồ án quy hoạch, chỉ tập trung khu vực nuôi trồng thủy sản tại xã Đức Phong với hình thức nuôi trồng hữu cơ, đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái... Trong giai đoạn sau năm 2030, hình thành dải công viên cảnh quan dọc theo bờ biển, kết hợp với các cụm quảng trường - dịch vụ biển nhằm tạo không gian tập trung đông người và giúp người dân, du khách hưởng thụ biển.

8. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a) Giải pháp san nền

- Đối với những khu vực phát triển mới:

+ Những khu vực có cao độ nền tự nhiên lớn hơn cao độ khống chế dự kiến san gạt, đào nền tạo mặt bằng xây dựng chuẩn và thuận lợi cho việc thoát nước mưa.

+ Những khu vực có cao độ nền tự nhiên thấp hơn cao độ khống chế, dự kiến tôn đắp nền đến cao độ khống chế tối thiểu của từng khu vực.

- Đối với khu vực đã xây dựng, có cao độ nền ổn định. Dự kiến giữ nguyên hiện trạng, những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực để đảm bảo tiện nghi cho đô thị.

- Cao độ khống chế cho từng khu vực đảm bảo tần suất thiết kế tối thiểu $P=10\%$ và có tính đến mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu, cụ thể:

+ Khu vực thuộc các xã: Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa: Cao độ nền xây dựng $\geq 2,5m$.

+ Khu vực thuộc xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $\geq 2,5m$.

+ Khu vực thuộc xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $\geq 3,0m$.

+ Khu vực thuộc xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $\geq 3,5m$.

+ Khu vực thuộc xã Đức Minh, huyện Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $\geq 6,0m$.

+ Khu vực thuộc xã Đức Phong, huyện Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $\geq 3,50m$.

+ Khu vực thuộc xã Phổ An, thị xã Đức Phổ: Cao độ nền xây dựng $\geq 3,0\text{m}$.

+ Khu vực thuộc xã Phổ Quang, thị xã Đức Phổ: Cao độ nền xây dựng $\geq 3,0\text{m}$

b) Giải pháp thoát nước mưa

- Quy hoạch, xây dựng mới hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Lưu vực thoát nước: Chia làm nhiều lưu vực nhỏ phù hợp với lưu vực thoát nước tự nhiên, gồm các lưu vực sau:

+ Lưu vực xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa: Hướng thoát theo hệ thống cống thoát ra sông Phú Nghĩa, sông Vực Hồng và sông Vệ.

+ Lưu vực từ sông Vệ đến núi Văn Bàn, huyện Mộ Đức: Hướng thoát vào hồ điều hòa Đức Thắng, mương quy hoạch và sông Vệ.

+ Lưu vực từ núi Văn Bàn đến núi Ông Độ, huyện Mộ Đức: Hướng thoát theo hệ thống cống thoát vào Bàu Ốc và Rộc sau đó thoát ra sông Thoa.

+ Lưu vực từ Núi Ông Độ đến hết ranh giới huyện Mộ Đức: Phạm vi phía Tây thoát về sông Thoa; phạm vi phía Đông thoát về Rộc sau đó thoát ra sông Thoa.

+ Lưu vực thuộc xã Phổ An, phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ: Hướng thoát ra sông Thoa.

c) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

- Xây dựng đê kè ven các vị trí xung yếu, chỉnh trị dòng chảy trên các sông Vệ đảm bảo thoát lũ, phù hợp với Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Vệ (đoạn từ xã Hành Tín Tây đến cửa Lở) đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 12/11/2018).

- Cải tạo các tuyến sông, khơi thông, mở rộng dòng chảy và kết nối các trục thoát nước chính như Bàu Ốc, Bàu Húc, Rộc,... kết hợp đầu tư xây dựng công viên dọc sông, tạo thành các trục cảnh quan cho đô thị và đảm bảo các khu vực chứa nước vào mùa mưa. Quy hoạch các tuyến thoát nước ngang để kết nối, thoát nước ra sông Thoa đảm bảo khả năng chống ngập úng tốt hơn và tạo cảnh quan khu vực.

8.2. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

a1) Giao thông đường bộ

- Đường ĐT.627 (đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh): Gồm 02 đoạn: Quy mô 6 làn xe, Bn = 40 m; quy mô 4 làn xe, Bn=26m.

a2) Giao thông đường thủy

** Đường biển:*

Bố trí cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão tại xã Đức Lợi (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

b) Giao thông đối nội

b1) Tổ chức các trục kết nối với giao thông đối ngoại

** Các tuyến trục ngang:*

- Đường N1: Nối khu vực phía Bắc xã Nghĩa Hòa với Vành đai 2 thành phố Quảng Ngãi và Quốc lộ 1; Bn = 46m.

- Đường N2: Nối khu đô thị Đức Lợi với Quốc lộ 1 và ĐT.628; Bn = 32m.

- Đường N3: Nối từ đường ĐT.627 (Dung Quất - Sa Huỳnh) tại khu vực phía Bắc núi Đá Bạc với Khu đô thị Sông Vệ; Bn = 32m.

- Đường N4 (ĐT.624B): Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.624B hiện trạng; Bn = 21m.

- Đường N5: Nối từ biển Minh Tân Nam với Quốc lộ 1; Bn = 32m.

- Đường N6: Chạy song song với trục ngang N7 (ĐT.624C) về phía Bắc khoảng 700m; Bn = 60m.

- Đường N7 (ĐT.624C): Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.624C hiện trạng; Bn = 21m.

- Đường N8: Chạy song song với trục ngang N7 (ĐT.624C) về phía Nam khoảng 300m; Bn = 60m.

- Đường N9 (ĐH.40): Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.40 hiện trạng; Bn = 21m.

- Đường N10: Nối từ đường ĐT.627 (Dung Quất - Sa Huỳnh) với Quốc lộ 1 (ở phía Bắc đô thị Thạch Trụ); Bn = 40m.

- Đường N11: Nối từ biển Phổ An với Quốc lộ 1 và Quốc Lộ 24 (ở trung tâm đô thị Thạch Trụ); Bn = 32m.

- Đường N12 (ĐH.42): Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.42 hiện trạng; Bn = 40m.

** Các tuyến trục dọc:*

- Trục D1: Bắt đầu từ nút giao với đường ĐT.627 (Dung Quất - Sa Huỳnh) tại đô thị Đức Lợi đến nút giao với ĐT.627 (Dung Quất - Sa Huỳnh) ở cuối xã Đức phong, Bn = 32m.

- Trục D2: Bắt đầu từ nút giao với trục ngang N5 đến kết nối với trục Dung Quất - Sa Huỳnh tại xã Phổ Quang, Bn = 32m.

- Trục ĐT.627B: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.627B hiện trạng; $B_n = 21m$.

- Đường liên khu vực, đường chính khu vực: Quy hoạch nâng cấp, xây dựng mới với lộ giới từ 21-32m.

- Đường nội bộ cải tạo, chỉnh trang mặt cắt từ 14,5-21m.

b2) Bãi đỗ xe

- Bố trí các bãi đỗ xe tập trung với chỉ tiêu diện tích được tính toán theo từng phân khu đảm bảo chỉ tiêu 2,5-4m²/người.

8.3. Định hướng cấp nước

a) Tổng nhu cầu dùng nước

- Giai đoạn ngắn hạn (năm 2030) khoảng 18.500 m³/ng.đ;

- Giai đoạn dài hạn (năm 2045) khoảng 50.700 m³/ng.đ.

b) Nguồn nước

Nguồn nước cấp chính cho khu vực từ sông Vệ, hệ thống thủy lợi Thạch Nham, các hồ chứa nước và nguồn nước ngầm trong khu vực.

c) Phân vùng cấp nước

Toàn bộ khu vực sẽ được phân ra làm 3 vùng cấp nước chính:

+ Vùng 1: Phân vùng Nghĩa Hòa - Nghĩa Hiệp (huyện Tư Nghĩa). Nguồn cấp nước chính từ Nhà máy nước thành phố Quảng Ngãi.

+ Vùng 2: Phân vùng các xã thuộc huyện Mộ Đức. Nguồn cấp nước chính từ Nhà máy nước Nam sông Vệ.

+ Vùng 3: Phân vùng Phổ An - Phổ Quang. Nguồn cấp nước chính từ Nhà máy nước Trà Câu (thị xã Đức Phổ).

8.4. Định hướng cấp điện

a) Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực lập quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2030) khoảng 159.000 kVA;

- Giai đoạn dài hạn (đến năm 2045) khoảng 261.000 kVA.

b) Nguồn điện và lưới điện

b1) Nguồn điện 110KV

* Nguồn điện:

- Trạm 110/22KV: Lấy từ các trạm 110KV núi Bút, 110KV Tư Nghĩa, 110KV Mộ Đức và 110KV Đức Phổ.

b2) Lưới điện 22kV

- Các đường dây trung thế 22KV được thiết kế mạch vòng, vận hành hở.

- Định hướng lưới điện đi ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với khu

vực lưới điện hiện trạng từng bước hạ ngầm đường dây hiện trạng khi đầu tư nâng cấp các trục giao thông. Đối với các trục đường chính, định hướng đi ngầm trong các hào kỹ thuật.

b3) Chiếu sáng đô thị

- Những tuyến đường chính có dải phân cách ở giữa bố trí đèn chiếu sáng đôi trên dải phân cách.

- Những tuyến đường chính có mặt cắt đường >10,5m bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường; đường nhánh có mặt cắt đường <10,5m bố trí đèn chiếu sáng một bên đường.

8.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Quy hoạch thoát nước thải

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt của khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng 13.600m³/ngđ và đến năm 2045 khoảng 38.000m³/ngđ, được thu gom bằng các đường công tự chảy D300 - D600 và các trạm bơm chuyển tiếp dẫn nước thải về các trạm xử lý tập trung. Mỗi tiểu khu xây dựng 1 hoặc 2 trạm xử lý theo lưu vực thoát nước.

b) Quy hoạch chất thải rắn

- Đến năm 2045, các loại CTR phải được phân loại tại nguồn.

- Định hướng đưa về các khu xử lý CTR tập trung tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa và xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ.

c) Quy hoạch nghĩa trang

- Khu vực huyện Tư Nghĩa: Đưa về nghĩa trang chung của huyện Tư Nghĩa.

- Khu vực huyện Mộ Đức: Đưa về nghĩa trang chung của huyện Mộ Đức.

- Khu vực thị xã Đức Phổ: Đưa về nghĩa trang chung của thị xã Đức Phổ.

8.6. Định hướng thông tin liên lạc

a) Mạng ngoại vi

- Từng bước ngầm hoá mạng lưới thông tin liên lạc tại khu vực quy hoạch... các khu vực xây dựng mới phải đi ngầm đồng bộ hệ thống thông tin.

b) Mạng di động

- Phát triển mạng thu phát sóng thông tin di động; các trạm thu phát sóng thông tin di động đảm bảo cảnh quan kiến trúc, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng.

c) Bưu chính

Phát triển hệ thống bưu chính đảm bảo tính hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên phát về số lượng vận chuyển và tần suất vận chuyển. Nâng cao ứng dụng dịch vụ bưu chính trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng.

d) Viễn thông

Hạ tầng viễn thông phát triển bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và an ninh thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, nhất là tại các đô thị có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, tốc độ cao, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt, giá cước hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của người sử dụng.

đ) Công nghệ thông tin

- Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đáp ứng hiệu quả sự triển của các ngành khác. Đáp ứng được cơ sở hạ tầng, tạo cơ sở dữ liệu để phát triển hệ thống điều hành đô thị thông minh.

- Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

8.7. Giải pháp bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, hồ, nước biển ven bờ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung CTR...

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo. Có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước. Bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng.

b) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

c) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Cải tạo sông hồ, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

d) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi tại các khu vực đất trống.

đ) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khống chế hữu hiệu.

e) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

8.8. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các dự án ưu tiên đầu tư

Tập trung các dự án chiến lược, ưu tiên đầu tư làm cơ sở động lực phát triển du lịch - dịch vụ và đô thị trong tương lai như:

- Sớm đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật khung như các tuyến đường giao thông ĐT.627 (Dung Quất - Sa Huỳnh), đường N1, N2, N3, ĐT.624B, N6, ĐT.624C, N8, N11, N12...

- Đẩy mạnh thu hút, ưu tiên các dự án đầu tư về du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị,... tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực. Cùng với đó là các dự án dịch vụ - thương mại, các khu vui chơi giải trí ở quy mô vừa và nhỏ để đảm bảo phục vụ cho người dân đô thị và du khách.

- Cải tạo các bãi tắm hiện trạng, từng bước di dời các khu vực nuôi tôm sát các bãi tắm về các vị trí khác đảm bảo các bãi tắm sạch đẹp, thu hút du lịch...

- Một số dự án hạ tầng kỹ thuật khung khác như: Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện.

b) Nguồn lực đầu tư

- Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách thực hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án tạo động lực phát triển.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp, tham gia đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị, thương mại - dịch vụ.

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, gồm: 03 Chương, 14 Điều.

(Chi tiết có thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý do Sở Xây dựng thẩm định kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, UBND thị xã Đức Phổ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

2. UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các dự án đang triển khai trên địa bàn của các huyện, thị xã để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh được duyệt.

- Xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 879).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh